

Số: **864/BC-UBND**

An Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022

Căn cứ Công văn số 4500/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 14/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc xây dựng Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022;

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

- Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/01/2022 thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, 11/11 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đều ban hành Kế hoạch thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2022 để triển khai tại địa phương.

- Công văn số 525/UBND-KTTH ngày 20/5/2022 về việc triển khai thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

- Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 22/6/2022 triển khai thực hiện Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn

- Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 19/8/2022 tăng cường công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

- Góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Công văn số 1206/UBND-NC ngày 14/10/2022 gửi Bộ Tư pháp, cung cấp số liệu xử phạt vi phạm hành chính từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/9/2022.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính

- UBND tỉnh giao Sở Tư pháp tổ chức 01 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với 200 cán bộ, công chức; thống kê các văn bản liên quan đến Luật Xử lý vi phạm hành chính do Trung ương và địa phương ban hành còn hiệu lực đến ngày 09/02/2022 gửi đến các ngành, địa phương.

- Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện tổ chức 10 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với 865 cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân dưới nhiều hình thức trực tiếp, qua đài truyền thanh, truyền hình, báo chí, trang thông tin điện tử,...

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 761/KH-UBND và Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 về kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2022. Đoàn kiểm tra đang tiến hành kiểm tra theo Kế hoạch.

- 11/11 UBND cấp huyện đều có xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính dưới hình thức độc lập hoặc lồng ghép.

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Tình hình vi phạm hành chính

Tình hình vi phạm hành chính trong năm 2022 có chiều hướng giảm rất nhiều so với năm 2021 (8.085 vụ/19.545 vụ, với 8.381 đối tượng/17.593 đối tượng). Vi phạm hành chính phổ biến ở một số lĩnh vực như: Đất đai; xây dựng; khoáng sản; bảo vệ môi trường; giao thông đường bộ; thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm; an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội; kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; an toàn vệ sinh thực phẩm; y tế. Tỷ lệ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đạt khá cao (gần 95%).

2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số vụ vi phạm: 8.085 vụ, giảm 11.460 vụ so với cùng kỳ (19.545 vụ).
- Tổng số đối tượng bị xử phạt: 8.381 đối tượng, giảm 9.212 đối tượng so với cùng kỳ (17.593 đối tượng).
- Tình hình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:
 - + Số quyết định đã thi hành: 7.825 quyết định, giảm 8.288 quyết định so với cùng kỳ (16.113 quyết định).
 - + Số quyết định hoãn, miễn, giảm: 0, giảm 241 quyết định so với cùng kỳ (241 quyết định);
 - + Số quyết định bị cưỡng chế thi hành: 01 quyết định, giảm 01 quyết định so với cùng kỳ (02 quyết định).
 - + Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện: 04 quyết định, tăng 02 quyết định so với cùng kỳ (02 quyết định).
 - + Tổng số tiền phạt thu được: 22.334.968.175 đồng, giảm 17.661.309.055 đồng so với cùng kỳ (39.996.277.230 đồng).
 - + Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: 326.156.000 đồng, giảm 2.688.044.000 đồng so với cùng kỳ (3.014.200.000 đồng).

3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính: 350 đối tượng, giảm 951 đối tượng so với cùng kỳ (1.301 đối tượng).
- Số đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính: 312 đối tượng, giảm 1.068 đối tượng so với cùng kỳ (1.380 đối tượng).
- Số lượng người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình: 06 đối tượng, tăng 06 đối tượng so với cùng kỳ (0).
- Tình hình tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính:
 - + Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định: 266 đối tượng, giảm 972 đối tượng so với cùng kỳ (1.238 đối tượng).
 - + Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định: 02 đối tượng, tăng 02 đối tượng so với cùng kỳ (0).
 - + Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định: 12, giảm 470 trường hợp so với cùng kỳ (482).
 - + Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định: 0. Không tăng, không giảm so với cùng kỳ.
 - + Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại: 0, giảm 01 đối tượng so với cùng kỳ (01 đối tượng).

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Điểm c khoản 1 Điều 66 “Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính” nhưng thế nào là tình tiết đặc biệt nghiêm trọng thì đến nay cũng không có quy định cụ thể.

- Điều 79 về nộp tiền phạt nhiều lần trong đó có điều kiện “Đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế...” nhưng không có quy định cụ thể nên khó áp dụng. Ngoài ra, qua đối chiếu với các trường hợp hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt được quy định tại Điều 76, Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính và qua theo dõi thực tiễn công tác thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thấy rằng, việc quy định hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế là một trong những điều kiện để được xem xét nộp phạt nhiều lần trong mọi trường hợp là chưa hợp lý.

- Khoản 1 Điều 59 quy định “Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết...” và theo Mẫu biên bản số 05 Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính tại mục “Người có thẩm quyền lập biên bản:” có hướng dẫn “Ghi họ và tên của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc hoặc họ và tên của người đại diện được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ủy quyền”. Quy định này gây khó khăn trong trường hợp vụ việc vi phạm hành chính do các cơ quan Công an, Quản lý thị trường... chuyển đến Chủ tịch UBND các cấp ra quyết định nhưng thuộc trường hợp cần các minh tình tiết thì khó khăn, vướng mắc trong việc ủy quyền để xác minh tình tiết vi phạm (vì theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Chủ tịch UBND chỉ có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, đặc biệt trong trường hợp giao quyền thì không thể ủy quyền).

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính không thuộc phạm vi hoặc thời hạn được pháp nhân, tổ chức ủy quyền hoặc không theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của pháp nhân, tổ chức, thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi

phạm hành chính theo mức phạt áp dụng đối với tổ chức về những hoạt động do chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện.” Quy định này tạo ra khó khăn trong thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chỉ là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, không có tài sản riêng.

- Điểm b khoản 3 Điều 12 quy định “Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền lập một biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm;”. Quy định này gây khó khăn trong trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm nhưng thuộc nhiều lĩnh vực, thẩm quyền lập biên bản khác nhau.

- Khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm phát hiện quyết định về xử lý vi phạm hành chính do mình hoặc cấp dưới ban hành có sai sót và kịp thời đình chính, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền....Chính phủ quy định chi tiết khoản này.” Tuy nhiên, hiện nay, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP chỉ mới quy định việc đình chính, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, còn các quyết định khác về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa được quy định cụ thể.

- Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có một số nội dung vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, như quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 14, khoản 2 Điều 18, khoản 6 Điều 19, khoản 1 Điều 38, cụ thể như sau:

+ Điều 14 quy định “Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật...” quy định này trong thực tiễn thực hiện cũng gặp nhiều khó khăn, vì khó xác định tổ chức tín dụng nào mà cá nhân, tổ chức có mở tài khoản. Trường hợp này nên có cơ chế đề nghị Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ yêu cầu tất cả các tổ chức tín dụng cung cấp thông tin.

+ Khoản 2 Điều 18 quy định “Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tương ứng với số tiền đã ghi trong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.”. Trường hợp tài sản cần kê biên không thể chia tách như nhà, công trình, phương tiện... thì rất khó khăn.

+ Khoản 6 Điều 19 quy định tài sản đang được cầm cố, thế chấp hợp pháp thì không được kê biên để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. trong khi đối với việc thi hành án dân sự thì vẫn được kê biên trong trường hợp

người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án.

+ Khoản 1 Điều 38 quy định “Trường hợp cá nhân, tổ chức vừa không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, vừa không chấp hành một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1, 2, 3 hoặc 4 Chương II và Mục 5 Chương II Nghị định này đối với cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp quy định tại Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính.”. Quy định này gây khó khăn, không áp dụng được kịp thời biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả.

1.3. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

- Căn cứ Mẫu biên bản vi phạm hành chính ban hành kèm theo Nghị định 118/2021/NĐ-CP thì phần căn cứ lập biên bản vi phạm hành chính được hướng dẫn cách ghi là: “Ghi đầy đủ các căn cứ của việc lập biên bản. Ví dụ: Biên bản làm việc; Biên bản kiểm tra; Biên bản thanh tra; Kết luận kiểm tra; Kết luận thanh tra; Kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Tài liệu khác...” mà chưa có hướng dẫn trong trường hợp người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trực tiếp phát hiện hành vi vi phạm hành chính.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Nghị định 118/2021/NĐ-CP quy định: “Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.” Trường hợp chỉ có một tình tiết giảm nhẹ hoặc một tình tiết tăng nặng thì chưa quy định.

- Về hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính: Tuy pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã từng bước được hoàn thiện, giúp tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng nhưng hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh và trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã có nhiều văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để tháo gỡ nhưng có nhiều văn bản hướng dẫn chỉ gửi đến cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản đề nghị mà chưa được phổ biến rộng rãi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương khác.

2. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính

2.1. Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

Không.

2.2. Tổ chức bộ máy, nhân sự

Không.

2.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

Một số văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính của Bộ, ngành Trung ương nên cung cấp, phổ biến rộng rãi đến các địa phương để kịp thời cập nhật và nghiên cứu áp dụng theo quy định.

2.4. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2.5. Về việc báo cáo, thống kê

Không.

2.6. Về công tác kiểm tra, thanh tra

Không.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân chủ quan

Không.

3.2. Nguyên nhân khách quan

Vướng mắc do quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo hệ thống hóa các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính còn phù hợp để phổ biến rộng rãi, giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương áp dụng thống nhất quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Đề nghị Bộ Tư pháp mở các lớp tập huấn chuyên sâu về xử phạt vi phạm hành chính để giúp các địa phương kịp thời bổ sung kiến thức, áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính, nâng cao hiệu quả trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC và TDTHPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: HCTC, NC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước